

Số: **423**/QĐ-UBND

Bình Định, ngày **07** tháng **02** năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch Bảo vệ và phát triển rừng huyện Tuy Phước giai đoạn 2012-2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về
thi hành Luật Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Thông tư số 05/2008/TT-BNN ngày 14 tháng 01 năm 2008 về việc
hướng dẫn lập quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng;

Xét ý kiến thẩm định Quy hoạch Bảo vệ và phát triển rừng huyện Tuy
Phước giai đoạn 2012-2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT tại văn bản số
2641/SNN-TrTr ngày 05/9/2012 và văn bản số 174/SNN-TrTr ngày 21/01/2013;
đề nghị của UBND huyện Tuy Phước tại văn bản số 95/TTr-UBND ngày
19/9/2012 và văn bản số 29/UBND-NN ngày 14/01/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch Bảo vệ và phát triển rừng huyện Tuy Phước
giai đoạn 2012-2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Quy hoạch Bảo vệ và phát triển rừng huyện Tuy
Phước giai đoạn 2012-2020.

2. Địa điểm thực hiện: Các xã: Xã Phước Thành, Phước An, Phước Lộc,
Phước Nghĩa, Phước Hiệp, Phước Thuận, Phước Sơn, Phước Hoà, Thị trấn Diêu
Trì, Thị trấn Tuy Phước.

3. Quy mô dự án: Tổng diện tích quy hoạch lâm nghiệp giai đoạn 2012 –
2020 là 3.625,20 ha.

4. Hiện trạng rừng và sử dụng đất:

4.1. Đất rừng phòng hộ	: 893,20 ha
a) Đất có rừng trồng	: 248,53 ha
b) Đất chưa có rừng	: 644,67 ha
4.2. Đất rừng sản xuất	: 2.732,00 ha
a) Đất có rừng trồng	: 2.050,74 ha
b) Đất chưa có rừng	: 681,26 ha

5. Nội dung quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng

5.1. Mục tiêu, nhiệm vụ:

- Về môi trường: Xây dựng ổn định và nâng cao chất lượng rừng phòng hộ, rừng sản xuất trên địa bàn huyện. Phấn đấu độ che phủ của rừng đạt 12% vào năm 2015 và 19% năm 2020. Phát huy chức năng phòng hộ đầu nguồn, bảo vệ tôn tạo giá trị thẩm mỹ các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hóa..., đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân.

- Về xã hội: Xã hội hóa và đa dạng hóa các hoạt động lâm nghiệp; tạo việc làm, nâng cao nhận thức và mức sống của người dân. Phấn đấu từ năm 2012 đến năm 2020, bình quân thu hút hơn 1.000 lao động trực tiếp tham gia bảo vệ và phát triển rừng, tạo ra hệ sinh thái rừng bền vững sẽ góp phần thúc đẩy kinh tế của địa phương.

- Về kinh tế: Quản lý tốt rừng hiện có, tăng diện tích và năng suất rừng trồng, tăng cường các hoạt động nông lâm kết hợp, sử dụng có hiệu quả đất chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp. Sản xuất và chế biến lâm sản ngoài gỗ có tính cạnh tranh và bền vững đáp ứng nhu cầu nội địa và tham gia xuất khẩu. Đảm bảo cho người lao động tham gia các hoạt động lâm nghiệp có thu nhập bình quân tối thiểu bằng mức bình quân chung của xã hội. Ngân sách địa phương có thêm nguồn thu từ phí thuê dịch vụ môi trường rừng.

5.2. Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng

5.2.1. Bảo vệ rừng: Khối lượng và tiến độ thực hiện

- Bảo vệ toàn kỳ quy hoạch là: 4.615,14 lượt ha rừng phòng hộ, bình quân 512,79 ha/năm;

Chia ra:

* Giai đoạn: 2012-2015 : 1.647,99 lượt ha, bình quân 412,00 ha/năm.

* Giai đoạn: 2016-2020 : 2.967,15 lượt ha, bình quân 593,43 ha/năm.

5.2.2. Phát triển rừng: Khối lượng và tiến độ thực hiện

a) Trồng rừng tập trung : 3.642,77 ha.

* *Trồng mới* : 750,53 ha

- Trồng mới rừng sản xuất : 311,23 ha

- Trồng mới rừng phòng hộ : 439,30 ha; trong đó:

+ Phòng hộ đầu nguồn : 229,10 ha

+ Phòng hộ môi trường cảnh quan : 22,30 ha

+ Phòng hộ chống cát bay : 41,30 ha

+ Trồng rừng ngập mặn : 146,60 ha

b) Trồng lại sau khai thác : 2.892,24 ha; trong đó:

- Trồng thay thế phòng hộ : 91,63 ha; gồm:

- + Trồng thay thế đầu nguồn : 10,30 ha
- + Trồng thay thế môi trường cảnh quan : 81,33 ha
- Trồng rừng sản xuất : 2.800,61 ha

5.2.3. Trồng cây phân tán : 2,25 triệu cây

5.2.4. Khai thác gỗ rừng trồng : 260.301,6 m³; trong đó:

- Rừng trồng phòng hộ : 8.246,7m³
- Rừng trồng sản xuất : 152.045,9 m³

5.2.5. Xây dựng kết cấu hạ tầng:

- Xây dựng đường lâm sinh : 6,36km
- Xây dựng chòi canh lửa : 03 cái
- Xây dựng đường ranh cản lửa : 547,2 lượt km
- Xây dựng bản tin : 10 cái

6. Tổng hợp vốn đầu tư và nguồn vốn đầu tư:

6.1. Vốn đầu tư: 166.536.637.000 đồng (*Một trăm sáu mươi sáu tỷ, năm trăm ba mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng*)

6.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn ngân sách : 41.974.863.000 đồng;

- Trung ương : 7.963.950.000 đồng.

- Tỉnh : 19.065.596.000 đồng.

- Huyện : 14.945.317.000 đồng.

b) Vốn vay : 61.022.176.000 đồng.

c) Vốn chủ rừng : 63.539.598.000 đồng.

7. Giải pháp thực hiện

a) Giải pháp về tổ chức quản lý và tổ chức sản xuất

- Về tổ chức quản lý

+ Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về tác dụng của rừng trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương; nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về vai trò và tác dụng của rừng, đối với môi trường sống và trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, môi trường, an ninh quốc phòng...

+ Tiếp tục nâng cao trách nhiệm quản lý Nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp của các cấp từ tỉnh, huyện, xã đến thôn, làng theo Quyết định số 245/1998/QĐ-TTg ngày 21/12/1998 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Đối với xã có đất lâm nghiệp > 1000ha, cần có cán bộ chuyên trách lâm nghiệp, phụ trách khuyến lâm kiêm nhiệm (ưu tiên tuyển người địa phương). Cung cấp và kiện toàn trạm khuyến nông, hỗ trợ kinh phí để xây dựng mạng khuyến lâm thôn, xã.

+ Tăng cường hỗ trợ về chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng bảo vệ rừng ở công đồng dân cư thôn. Xây dựng kế hoạch phòng và chữa cháy rừng.

+ Chỉ đạo thành lập Ban Quản lý dự án phát triển rừng cấp huyện, xã và tiến hành lập Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất theo Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt một số chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007-2015.

+ Chỉ đạo các chủ rừng tiến hành lập phương án quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng do đơn vị mình quản lý theo Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng. Chủ rừng có trách nhiệm tổ chức bảo vệ rừng trên diện tích đã được Nhà nước giao, cho thuê theo quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng. Chủ rừng có diện tích rừng từ 1.000 ha (xã Phước Thành, xã Phước An) trở lên phải có lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách.

- Về tổ chức sản xuất

+ Giao đất, giao rừng

Xây dựng và thiết lập lâm phận rừng trồng và đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện ổn định, cắm mốc ranh giới trên thực địa.

Tiếp tục hoàn thiện giao đất lâm nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân, công đồng dân cư, phấn đấu đến năm 2015 hoàn thành việc giao đất lâm nghiệp để nhân dân ổn định sản xuất lâu dài.

Các chủ quản lý rừng trên địa bàn huyện triển khai thực hiện cơ chế đồng quản lý với cộng đồng dân cư địa phương trên cơ sở cùng chia sẻ trách nhiệm quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng và cùng hưởng lợi từ rừng.

Tạo điều kiện cho chủ rừng thực hiện quyền sử dụng đất và sở hữu rừng theo quy định của pháp luật.

+ Quản lý bảo vệ rừng

Căn cứ vào quy hoạch 3 loại rừng, xác định ranh giới giữa bản đồ và đóng mốc ở thực địa các loại rừng và công bố công khai để người dân được biết và tuân thủ theo các quy định của Luật bảo vệ và phát triển rừng.

Tăng cường các hoạt động tuyên truyền giáo dục mọi tầng lớp nhân dân về Luật bảo vệ và phát triển rừng. Gắn trách nhiệm và quyền lợi của người dân với từng lô rừng nhận khoán hoặc được giao; trang thiết bị phòng chống cháy rừng cho các khu vực trọng yếu, nguy cơ cháy cao, phòng trừ sâu bệnh hại rừng.

+ Phát triển rừng

Điều tra, khảo sát chọn trồng những loài cây có nhiều tác dụng, cho sản phẩm phụ thu hoạch.

Đối với vùng phòng hộ môi trường cảnh quan, ngoài các cây trồng như phòng hộ đầu nguồn, còn phải quan tâm đến các yếu tố như hình dáng thân, tán lá, màu hoa, cây cho quả... nhằm tôn tạo cảnh quan đẹp, phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi, giải trí và tham quan du lịch sinh thái.

Đối với vùng trồng rừng ngập mặn, khu bảo tồn biển, trồng rừng phục hồi sinh thái rừng ngập mặn khu vực đầm ven biển, cửa sông, chủ yếu bằng biện pháp trồng rừng mới.

b) Giải pháp về khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo và khuyến lâm

Quy hoạch mạng lưới cung cấp giống hợp lý, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật công nghệ sinh học để sản xuất giống cây trồng có năng suất, chất lượng cao.

Xây dựng các mô hình trồng rừng thâm canh, sản xuất nông lâm kết hợp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích đất đai.

Tăng cường giáo dục về pháp luật lâm nghiệp nhất là Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng.

Tăng cường hoạt động khuyến lâm, phổ biến các kỹ thuật, mô hình quản lý bảo vệ rừng bền vững, chuyên hóa và sử dụng hiệu quả đất lâm nghiệp đáp ứng yêu cầu của sản xuất và thị trường.

Đào tạo đội ngũ cán bộ biết ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng tài nguyên rừng và đất rừng (đặc biệt sử dụng công nghệ viễn thám, phục vụ kiểm kê, quản lý, sử dụng tài nguyên rừng, công nghệ GIS).

Tăng cường thiết bị kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ cao trong chế biến, tạo sức cạnh tranh của sản phẩm chế biến trên thị trường trong và ngoài nước, nhất là khâu tinh chế sản phẩm gỗ nội thất. Góp phần làm giảm lãng phí về tài nguyên đầu vào và hạ giá thành sản phẩm.

c) Giải pháp về vận dụng hệ thống cơ chế chính sách

- Chính sách giao khoán rừng và đất lâm nghiệp

Hoàn thiện giao đất đến hộ gia đình và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các thành phần kinh tế, theo quy hoạch và quy định của pháp luật hiện hành.

Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển lâm nghiệp đầu tư theo dự án, được thuê đất.

Có cơ chế hưởng lợi đối với hộ nhận khoán trồng rừng phòng hộ theo quy định.

Triển khai xây dựng Dự án chi trả đối với dịch vụ môi trường rừng theo Nghị định số 99/2010/NĐ-CP, ngày 24/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ, trên

cơ sở đó xây dựng cơ chế chi trả tại địa phương, các chủ rừng; ưu tiên giao khoán rừng cho cộng đồng thôn sở tại.

- Chính sách khuyến khích hỗ trợ đầu tư

Xây dựng cơ chế cho tất cả các thành phần kinh tế tham gia sản xuất lâm nghiệp được vay vốn với lãi suất ưu đãi, dài hạn phù hợp với chu kỳ kinh doanh cây lâm nghiệp. Hộ gia đình tham gia bảo vệ và phát triển rừng được hỗ trợ bằng các nguồn vay ưu đãi để phát triển chăn nuôi, sản xuất nông lâm kết hợp, trồng cây công nghiệp trong thời gian chưa có thu nhập từ rừng.

Hỗ trợ cây giống, phân bón, kỹ thuật cho các hộ gia đình, cộng đồng và các doanh nghiệp nhỏ, đặc biệt là các hộ nghèo để trồng rừng sản xuất quy mô nhỏ, coi như chỉ trả những lợi ích môi trường mà họ đem lại cho xã hội thông qua việc trồng, bảo vệ và phát triển rừng.

d) Giải pháp về vốn đầu tư

- Tăng cường ngân sách Nhà nước bảo vệ và phát triển rừng

Tăng cường ngân sách đầu tư của Nhà nước cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất trên cơ sở các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Kêu gọi các nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ trong và ngoài nước

Xây dựng và từng bước thực hiện cơ chế thu phí dịch vụ môi trường rừng đối với tổ chức, cá nhân hưởng lợi từ rừng. Xây dựng Quỹ bảo vệ và phát triển rừng trên cơ sở đa dạng hóa các nguồn vốn.

Tranh thủ các nguồn tài trợ trong nước và quốc tế qua các chương trình, dự án hỗ trợ ngành lâm nghiệp.

Sử dụng hợp lý nguồn vốn theo chương trình, dự án đầu tư trong nước, dự án đầu tư vốn nước ngoài, tránh đầu tư dàn trải, hiệu quả đầu tư thấp.

e) Phát triển nguồn nhân lực

Đào tạo lại, tổ chức các lớp tập huấn để nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn kỹ thuật cho cán bộ ở cơ sở làm công tác lâm nghiệp và nông dân tham gia sản xuất nghề rừng.

Tăng cường đào tạo đội ngũ hướng dẫn viên cơ sở cho mạng lưới khuyến nông, để chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nông dân.

8. Các dự án ưu tiên

- Dự án đầu tư phát triển rừng sản xuất.

- Dự án đầu tư trồng, quản lý bảo vệ rừng phòng hộ.

9. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2012-2020.

10. Chủ quản đầu tư các dự án thuộc quy hoạch: UBND huyện Tuy Phước

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. UBND huyện Tuy Phước thực hiện công bố quy hoạch nêu trên để cho nhân dân biết; chỉ đạo xây dựng các dự án ưu tiên và tổ chức thực hiện các dự án theo kế hoạch vốn phân bổ, được giao hàng năm của cấp có thẩm quyền và đúng theo quy hoạch được duyệt.

2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn UBND huyện Tuy Phước tổ chức thực hiện Quy hoạch Bảo vệ và phát triển rừng huyện Tuy Phước giai đoạn 2012-2020 phù hợp quy hoạch chung của tỉnh, đạt hiệu quả.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Tuy Phước, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, K10(11b).



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Trần Thị Thu Hà